

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

**Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
đã được kiểm toán**

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-31
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11-31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1247/1998/QĐ-BGTVT ngày 25/05/1998 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0301471330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 11/06/2012.

Trụ sở chính của Công ty: Số 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoàng Anh	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 19/05/2012)
Ông Trần Mạnh Hà	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 19/05/2012)
Ông Trần Mạnh Hà	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 19/05/2012)
Ông Nguyễn Cao Cường	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 19/05/2012)
Ông Vũ Văn Trục	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 19/05/2012)
Ông Hoàng Đăng Doanh	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 19/05/2012)
Ông Phan Thông	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 19/05/2012)
Ông Nguyễn Hữu Cự	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 19/05/2012)
Ông Trần Nguyên Hùng	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Cao Cường	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 28/05/2012)
Ông Trần Nguyên Hùng	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 28/05/2012)
Ông Trần Nguyên Hùng	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 28/05/2012)
Ông Bùi Quang Cảnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phan Thông	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 28/05/2012)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nhữ Đình Thiện	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 19/05/2012)
Bà Lê Thị Thanh Tụ	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 19/05/2012)
Bà Nguyễn Thị Huyền Linh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 19/05/2012)
Ông Phạm Sỹ Nhượng	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 19/05/2012)
Bà Phùng Thị Nga	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 19/05/2012)
Ông Hồ Anh Tuấn	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 19/05/2012)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Cao Cường
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2013



Số: 347/2013/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi được lập ngày 26 tháng 03 năm 2013, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra và áp dụng các thử nghiệm cần thiết theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Lê Đức Minh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 1628/KTV

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		68.484.140.092	69.307.137.129
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	22.670.330.301	39.824.329.413
111	1. Tiền		16.200.330.301	29.824.329.413
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.470.000.000	10.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		43.111.952.568	24.713.477.087
131	1. Phải thu của khách hàng		18.289.233.337	11.575.880.864
132	2. Trả trước cho người bán		672.553	325.156.469
135	5. Các khoản phải thu khác	4	24.822.046.678	12.812.439.754
140	IV. Hàng tồn kho	5	284.149.700	-
141	1. Hàng tồn kho		284.149.700	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.417.707.523	4.769.330.629
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		254.081.518	103.076.823
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		200.254.087	-
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	6	1.963.371.918	4.666.253.806
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		140.747.351.257	125.450.523.276
220	II. Tài sản cố định		122.747.935.381	107.451.107.400
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	90.985.477.149	88.502.243.684
222	- Nguyên giá		115.370.584.006	109.638.080.708
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(24.385.106.857)	(21.135.837.024)
227	3. Tài sản cố định vô hình	8	9.417.505.787	9.550.368.263
228	- Nguyên giá		9.882.524.453	9.882.524.453
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(465.018.666)	(332.156.190)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	22.344.952.445	9.398.495.453
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	17.999.415.876	17.999.415.876
251	1. Đầu tư vào công ty con		8.657.473.876	8.657.473.876
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		7.736.380.000	7.736.380.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		1.605.562.000	1.605.562.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		209.231.491.349	194.757.660.405

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNTại ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		66.123.600.645	60.769.203.467
310	I. Nợ ngắn hạn		66.123.600.645	60.419.770.772
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	2.045.105.088	-
312	2. Phải trả người bán		17.802.305.694	14.259.651.848
313	3. Người mua trả tiền trước		8.988.502.985	13.559.783.489
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	2.307.363.574	1.957.668.175
315	5. Phải trả người lao động		2.023.981.604	-
316	6. Chi phí phải trả	13	74.562.000	119.527.273
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	14	31.785.519.485	30.760.969.290
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.096.260.215	(237.829.303)
330	II. Nợ dài hạn		-	349.432.695
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	349.432.695
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		143.107.890.704	133.988.456.938
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	143.107.890.704	133.988.456.938
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		87.044.800.000	82.899.810.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		33.636.120.654	33.636.120.654
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	2.794.128.014
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		9.369.763.914	7.264.374.396
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		13.057.206.136	7.394.023.874
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		209.231.491.349	194.757.660.405

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		217.039,44	782.028,29



Nguyễn Cao Cường
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	199.484.802.322	139.145.322.815
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		199.484.802.322	139.145.322.815
11	4. Giá vốn hàng bán	17	172.466.864.067	119.311.767.695
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		27.017.938.255	19.833.555.120
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	11.078.876.123	12.408.767.173
22	7. Chi phí tài chính	19	803.245.361	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		192.285.320	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		10.439.254.411	7.018.698.768
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		26.854.314.606	25.223.623.525
31	11. Thu nhập khác	20	962.287.946	2.700.000
32	12. Chi phí khác	21	76.292.184	-
40	13. Lợi nhuận khác		885.995.762	2.700.000
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		27.740.310.368	25.226.323.525
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	5.431.377.570	4.172.428.337
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>22.308.932.798</u>	<u>21.053.895.188</u>



Nguyễn Cao Cường
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		27.740.310.368	25.226.323.525
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		4.686.779.870	4.239.863.074
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		10.075.115	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(7.471.180.022)	(10.786.801.439)
06	- Chi phí lãi vay		192.285.320	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		25.158.270.651	18.679.385.160
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(18.120.316.336)	1.795.482.645
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(284.149.700)	-
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		1.228.917.677	(14.931.187.082)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(151.004.695)	189.455.153
13	- Tiền lãi vay đã trả		(192.285.320)	-
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.730.005.516)	(4.515.367.007)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.437.362.441	20.000.000
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.540.214.600)	(10.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		3.806.574.602	1.227.768.869
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(20.059.900.035)	(8.482.373.526)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		768.999.182	2.700.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.829.028.580	10.736.245.883
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(12.461.872.273)	2.256.572.357
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		4.144.990.000	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		34.265.149.469	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(32.220.044.381)	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(12.434.971.500)	(12.434.971.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(6.244.876.412)	(12.434.971.500)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(14.900.174.083)	(8.950.630.274)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		39.824.329.413	46.531.209.773
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(2.253.825.029)	2.243.749.914
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	<u>22.670.330.301</u>	<u>39.824.329.413</u>



Nguyễn Cao Cường
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

1 . THÔNG TIN CHUNG**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1247/1998/QĐ-BGTVT ngày 25/05/1998 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0301471330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 11/06/2012.

Trụ sở chính của Công ty: Số 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 87.044.800.000 đồng; tương đương 8.704.480 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Quảng Ninh	Số 10 Đường Lê Thánh Tông, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Hải Phòng	Commercial Building, Số 22 Đường Lý Tự Trọng, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Hà Nội	Trung tâm Thương mại Văn Hồ, Số 51 Đường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Đà Nẵng	Lô 39, Đường số 02, Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Quy Nhơn	Số 99 Đường Phan Đình Phùng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Vũng Tàu	Số 04 Đường Lê Lợi, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
- Xí nghiệp Đại lý Hàng hải và Giao nhận Hải Phòng	Số 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty có các công ty con sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty Liên doanh Đại lý Vận tải Cosfi	Số 6A Đường Hồ Xuân Hương, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
- Công ty TNHH SITC Việt Nam	Phòng 419 - 420 - 421, TD - Business Center, Lô 20A, Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Hải Phòng

Công ty có các công ty liên kết sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam)	Số 2A - 4A Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Công ty TNHH KCTC Việt Nam	Số 473 Đường Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Thông tin về các công ty con và công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 10.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Đại lý vận tải;
- Đại lý ủy thác quản lý container và giao nhận hàng hóa;
- Khai thác, thu gom hàng hóa và vận tải nội địa;
- Đại lý tàu biển, môi giới hàng hải;
- Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Mua bán thực phẩm tươi sống, đồ gỗ nội thất, quần áo may sẵn, giày dép, kim khí điện máy, điện tử, điện lạnh và phụ kiện;
- Kinh doanh khai thác kho bãi;
- Vận chuyển hàng hóa quá cảnh đi Lào, Campuchia và ngược lại (chỉ thực hiện khi có đầy đủ thủ tục về hàng quá cảnh);
- Dịch vụ hàng hải và cung ứng tàu biển;
- Sản xuất, mua bán bao bì, chèn lót;
- Đóng gói bao bì hàng hóa;
- Mua bán động vật sống, bò sát (trừ kinh doanh động vật hoang dã thuộc danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia quy định và các loại động vật quý hiếm khác cần được bảo vệ), hàng thủy, hải sản;
- Cho thuê văn phòng làm việc;
- Mua bán gốm sứ, sơn mài và hàng thủ công mỹ nghệ;
- Vận tải đa phương quốc tế;
- Sản xuất, gia công, lắp ráp đồ gỗ gia dụng, máy móc, thiết bị, phụ kiện hàng điện tử, điện lạnh (không sản xuất, gia công tại trụ sở);
- Sản xuất, gia công quần áo, giày dép (không sản xuất, gia công tại trụ sở);
- Mua bán, cho thuê vỏ container;
- Phát chuyển nhanh hàng hóa.

15-C
TY
HỮU HI
TƯ V
TOÁN
TOÁN
A-TP

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng lô hàng chưa được ghi nhận doanh thu đối với loại hình hoạt động Forwarding

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50	năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05	năm
- Quyền sử dụng đất	35	năm



Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 447,1 m² đất tại số nhà 209 Nguyễn Văn Thù, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với thời gian sử dụng lâu dài;
- Quyền sử dụng 9.488,4 m² đất tại Lô 39, Đường số 2, Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Thành phố Đà Nẵng với thời gian sử dụng 35 năm.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Từ năm 2012 Công ty thay đổi chính sách kế toán đối với các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái theo hướng dẫn tại Thông tư 179/2012/TT-BTC thay thế cho Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Theo đó các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Việc xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được thay đổi so với năm 2011 như sau:

	Năm 2012	Năm 2011
Tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược để xóa số dư

Việc thay đổi chính sách kế toán này không áp dụng hồi tố cho Báo cáo tài chính năm 2011 trở về trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	2.186.259.032	3.366.057.550
Tiền gửi ngân hàng	14.014.071.269	26.458.271.863
Các khoản tương đương tiền	6.470.000.000	10.000.000.000
	22.670.330.301	39.824.329.413

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	23.692.022
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chậm trả	-	50.555.556
Phải thu cước xuất phòng Air	17.714.366.678	7.187.856.947
Phải thu cước xuất phòng Sea	4.493.245.635	3.542.592.261
Phải thu cước nhập các hãng đại lý	1.075.092.246	1.110.465.208
Phải thu khác	1.539.342.119	897.277.760
	24.822.046.678	12.812.439.754

5 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	284.149.700	-
	284.149.700	-

6 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	1.448.168.000	1.977.136.788
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	515.203.918	2.689.117.018
	1.963.371.918	4.666.253.806

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**7 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	86.800.204.854	22.393.083.488	444.792.366	109.638.080.708
Số tăng trong năm	-	6.266.357.591	847.085.452	7.113.443.043
- Mua sắm, lắp đặt mới	-	6.266.357.591	847.085.452	7.113.443.043
Số giảm trong năm	-	(1.380.939.745)	-	(1.380.939.745)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.380.939.745)	-	(1.380.939.745)
Số dư cuối năm	86.800.204.854	27.278.501.334	1.291.877.818	115.370.584.006
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	12.763.317.795	8.105.687.689	266.831.540	21.135.837.024
Số tăng trong năm	2.143.793.652	2.313.558.174	114.203.621	4.571.555.447
- Trích khấu hao	2.143.793.652	2.295.920.121	114.203.621	4.553.917.394
- Tăng khác	-	17.638.053	-	17.638.053
Số giảm trong năm	(17.638.053)	(1.304.647.561)	-	(1.322.285.614)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.304.647.561)	-	(1.304.647.561)
- Giảm khác	(17.638.053)	-	-	(17.638.053)
Số dư cuối năm	14.889.473.394	9.114.598.302	381.035.161	24.385.106.857
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu năm	74.036.887.059	14.287.395.799	177.960.826	88.502.243.684
Số dư cuối năm	71.910.731.460	18.163.903.032	910.842.657	90.985.477.149

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 48.211.811.522 đồng
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.640.067.384 đồng

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	9.882.524.453	9.882.524.453
Số tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	9.882.524.453	9.882.524.453
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	332.156.190	332.156.190
Số tăng trong năm	132.862.476	132.862.476
- Trích khấu hao	132.862.476	132.862.476
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	465.018.666	465.018.666
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	9.550.368.263	9.550.368.263
Số dư cuối năm	9.417.505.787	9.417.505.787

Quyền sử dụng đất tại số 209 Nguyễn Văn Thù, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh với nguyên giá là 5.365.200.000 đồng được dùng để thế chấp cho khoản vay tín dụng theo hợp đồng số 0316/12/TD/1.9 ngày 13/08/2012 tại Ngân hàng TMCP An Bình - Sở Giao dịch.

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Số dư đầu năm	9.398.495.453	3.589.936.037
Số tăng trong năm	19.669.139.378	9.254.315.445
Số mua sắm đã kết chuyển tăng tài sản cố định trong năm	(6.596.329.363)	(1.117.852.000)
Giảm khác (Kết chuyển vào chi phí)	(126.353.023)	(2.327.904.029)
Số dư cuối năm	22.344.952.445	9.398.495.453
Trong đó, chi tiết số dư cuối năm bao gồm:		
	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	22.344.952.445	9.398.495.453
- Dự án tòa nhà Văn phòng Công ty	22.344.952.445	9.398.495.453
	22.344.952.445	9.398.495.453

Dự án xây dựng tòa nhà Văn phòng Công ty được khởi công từ tháng 09/2011 tại 209 Nguyễn Văn Thù, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Dự kiến công trình sẽ hoàn thành vào tháng 06/2013 với tổng mức kinh phí dự toán ban đầu là 41,7 tỷ đồng.

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	8.657.473.876	8.657.473.876
- Công ty Liên doanh Đại lý Vận tải Cosfi	5.029.129.876	5.029.129.876
- Công ty TNHH SITC Việt Nam	3.628.344.000	3.628.344.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	7.736.380.000	7.736.380.000
- Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam)	4.350.780.000	4.350.780.000
- Công ty TNHH KCTC Việt Nam	3.385.600.000	3.385.600.000
Đầu tư dài hạn khác	1.605.562.000	1.605.562.000
	17.999.415.876	17.999.415.876

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2012 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Liên doanh Đại lý Vận tải Cosfi ⁽¹⁾	TP. HCM	51,00%	51,00%	Đại lý vận tải
Công ty TNHH SITC Việt Nam ⁽²⁾	Hải Phòng	51,00%	51,00%	Giao nhận và đại lý tàu biển

(1) Theo Hợp đồng Liên doanh giữa Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi với Công ty Freightworld Pte.Ltd và Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000232 chứng nhận lần đầu ngày 06 tháng 05 năm 2008 vốn điều lệ của Công ty Liên doanh Đại lý vận tải Cosfi là 600.000 USD trong đó vốn góp của các bên như sau: Công ty Safi góp 306.000 USD chiếm 51% vốn điều lệ; Công ty Freightworld Pte.Ltd góp 294.000 USD chiếm 49% vốn điều lệ.

(2) Theo Hợp đồng Liên doanh giữa Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi với Công ty SITC Shipping Asia Pte.Limited và Giấy chứng nhận đầu tư số 021022000145 chứng nhận lần đầu ngày 08 tháng 05 năm 2009 vốn điều lệ của Công ty TNHH SITC Việt Nam là 400.000 USD trong đó vốn góp của các bên như sau: Công ty Safi góp 204.000 USD chiếm 51% vốn điều lệ; Công ty SITC Shipping Asia Pte.Limited góp 196.000 USD chiếm 49% vốn điều lệ.

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2012 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam) ⁽¹⁾	TP. HCM	45,00%	45,00%	Dịch vụ giao nhận quốc tế và kinh doanh vận tải
Công ty TNHH KCTC Việt Nam ⁽²⁾	TP. HCM	23,00%	23,00%	Dịch vụ giao nhận quốc tế và kinh doanh vận tải

(1) Theo Hợp đồng Liên doanh giữa các bên là Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi (Bên A), Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Chuyển giao công nghệ (Bên B), Công ty TNHH Yusen Air & Sea Service (Bên C) vốn điều lệ của Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam) là 600.000 USD trong đó vốn góp của các bên như sau: Bên A góp 270.000 USD chiếm 45% vốn điều lệ; Bên B góp 36.000 USD chiếm 6% vốn điều lệ và Bên C góp 294.000 USD chiếm 49% vốn điều lệ.

(2) Theo Hợp đồng Liên doanh giữa các bên là Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi (Bên A), Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Sài Gòn (Bên B), Công ty Cổ phần Tư vấn và Liên kết doanh nghiệp Việt (Bên C), KCTC (Bên D) và Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000233 chứng nhận lần đầu ngày 15 tháng 05 năm 2008, chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 26/11/2008 vốn điều lệ của Công ty TNHH KCTC Việt Nam là 900.000 USD trong đó vốn góp của các bên như sau: Bên A góp 207.000 USD chiếm 23% vốn điều lệ; Bên B góp 92.000 USD chiếm 10% vốn điều lệ, Bên C góp 160.000 USD chiếm 18% vốn điều lệ và KCTC góp 441.000 USD chiếm 49%.

Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu của Công ty CP Vinalines Logistic	1.500.000.000	1.500.000.000
Đầu tư trái phiếu	5.000.000	5.000.000
Đầu tư dài hạn khác (Thẻ hội viên gold)	100.562.000	100.562.000
	1.605.562.000	1.605.562.000

11 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	2.045.105.088	-
- Vay ngân hàng	2.045.105.088	-
	2.045.105.088	-

Chi tiết vay ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ngân hàng TMCP An Bình - Sở Giao dịch (*)	2.045.105.088	-
	2.045.105.088	-

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(*) Hợp đồng tín dụng số 0316/12/TD/1.9 tại Ngân hàng TMCP An Bình - Sở Giao dịch ngày 13/08/2012, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 25.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động thanh toán cước phí vận chuyển, thanh toán tiền lương, tiền điện, xăng dầu;
- + Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng, thời hạn vay của mỗi món vay được ghi trên Giấy nhân nợ tối đa không quá 03 tháng;
- + Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể trong từng Phụ lục hợp đồng kèm theo Hợp đồng cấp hạn mức;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: khoản vay được đảm bảo bằng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại số 209 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2012 là 2.045.105.088 đồng, tương đương với 98.322,36 USD.

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	131.844.167	627.889.102
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.628.501.712	927.129.658
Thuế Thu nhập cá nhân	540.400.302	-
Các loại thuế khác	6.617.393	402.649.415
	<u>2.307.363.574</u>	<u>1.957.668.175</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Chi phí phần mềm	46.800.000	46.800.000
Chi phí phải trả khác	27.762.000	72.727.273
	<u>74.562.000</u>	<u>119.527.273</u>

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	553.828.232	785.610.729
Bảo hiểm xã hội	10.744.169	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	216.912.841	172.000.000
Phải trả cước nhập các hãng đại lý	20.146.531.386	23.345.377.211
Phải trả của Chi nhánh Đà Nẵng	7.716.738.580	2.635.035.732
Phải trả của Chi nhánh Hải Phòng	1.590.913.826	1.746.032.028
Phải trả của Chi nhánh Quy Nhơn	-	553.158.042
Phải trả, phải nộp khác	1.549.850.451	1.523.755.548
	<u>31.785.519.485</u>	<u>30.760.969.290</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TÀI SAFI

Số 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND					VND	VND	
NĂM 2011									
Số dư đầu năm	82.899.810.000	33.636.120.654	1.361.753.272	-	5.198.067.208	-	2.907.714.563	126.003.465.697	
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	21.053.895.188	21.053.895.188	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	4.095.486.009	2.066.307.188	-	(8.228.100.386)	(2.066.307.189)	
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(12.434.971.500)	(12.434.971.500)	
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	(1.361.753.272)	-	-	-	-	(1.361.753.272)	
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	4.095.486.009	4.095.486.009	
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	-	2.794.128.014	-	-	-	-	2.794.128.014	
Giảm khác	-	-	-	(4.095.486.009)	-	-	-	(4.095.486.009)	
Số dư cuối năm	82.899.810.000	33.636.120.654	2.794.128.014	-	7.264.374.396	-	7.394.023.874	133.988.456.938	
NĂM 2012									
Tăng vốn trong năm ⁽¹⁾	4.144.990.000	-	-	-	-	-	-	4.144.990.000	
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	22.308.932.798	22.308.932.798	
Phân phối lợi nhuận ⁽²⁾	-	-	-	-	2.105.389.518	-	(16.645.750.536)	(14.540.361.018)	
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	(2.794.128.014)	-	-	-	-	(2.794.128.014)	
Số dư cuối năm	87.044.800.000	33.636.120.654	-	-	9.369.763.914	-	13.057.206.136	143.107.890.704	

(1) Công ty thực hiện tăng vốn trong năm thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cán bộ chủ chốt trong Công ty căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2012/NQ-DHĐCĐ ngày 17/08/2012 và Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh số 86/2006/GCNCP-VSD-5 ngày 20/12/2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012(2) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 số 01-2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/05/2012,
Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2011 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	100,00%	21.053.895.188
Trích Quỹ dự phòng tài chính	10,00%	2.105.389.518
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10,00%	2.105.389.518
Chi trả cổ tức (bằng 15% vốn điều lệ)	59,06%	12.434.971.500
Lợi nhuận chưa phân phối	20,94%	4.408.144.652

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	87.044.800.000	82.899.810.000
- Vốn góp đầu năm	82.899.810.000	82.899.810.000
- Vốn góp tăng trong năm	4.144.990.000	-
- Vốn góp cuối năm	87.044.800.000	82.899.810.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	12.434.971.500	12.434.971.500
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	12.434.971.500	12.434.971.500

c) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.704.480	8.289.981
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.704.480	8.289.981
- Cổ phiếu phổ thông	8.704.480	8.289.981
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.704.480	8.289.981
- Cổ phiếu phổ thông	8.704.480	8.289.981
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

d) Các quỹ công ty

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Quỹ dự phòng tài chính	9.369.763.914	7.264.374.396
	9.369.763.914	7.264.374.396

16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	199.484.802.322	139.145.322.815
	199.484.802.322	139.145.322.815

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	172.466.864.067	119.311.767.695
	<u>172.466.864.067</u>	<u>119.311.767.695</u>

18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	753.597.812	2.250.191.259
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.024.875.212	8.536.610.180
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.300.403.099	1.621.965.734
	<u>11.078.876.123</u>	<u>12.408.767.173</u>

19 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	192.285.320	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	600.884.926	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	10.075.115	-
	<u>803.245.361</u>	<u>-</u>

20 . THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	768.999.182	2.700.000
Thu nhập khác	193.288.764	-
	<u>962.287.946</u>	<u>2.700.000</u>

21 . CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản	76.292.184	-
	<u>76.292.184</u>	<u>-</u>



22 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.740.310.368	25.226.323.525
Các khoản điều chỉnh tăng	10.075.115	-
- Chi phí không hợp lệ	10.075.115	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(6.024.875.212)	(8.536.610.180)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(6.024.875.212)	(8.536.610.180)
Tổng thu nhập tính thuế	21.725.510.271	16.689.713.345
- Thu nhập tính thuế còn lại	21.725.510.271	16.689.713.345
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất năm hiện hành	5.431.377.570	4.172.428.337
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.431.377.570	4.172.428.337
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	927.129.658	1.270.068.328
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(4.730.005.516)	(4.515.367.007)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	1.628.501.712	927.129.658

23 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.664.555.173	3.333.243.852
Chi phí nhân công	45.879.143.079	36.622.168.844
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.686.779.870	4.239.863.074
Chi phí dịch vụ mua ngoài	126.402.432.020	79.693.900.011
Chi phí khác bằng tiền	3.273.208.336	2.441.290.682
	182.906.118.478	126.330.466.463

24 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2012		01/01/2012	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.670.330.301	-	39.824.329.413	
Phải thu khách hàng	18.289.233.337	-	11.575.880.864	
Phải thu khác	24.822.046.678	-	12.812.439.754	
Đầu tư dài hạn	1.605.562.000	-	1.605.562.000	
	67.387.172.316	-	65.818.212.031	

11108
CÔNG TY
CHẾM HỮU
VỤ TƯ VẤN
KẾ TOÁN
M TOÁN
HCM-TP

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	2.045.105.088	-
Phải trả người bán	17.802.305.694	14.259.651.848
Chi phí phải trả	74.562.000	119.527.273
Phải trả khác	31.785.519.485	30.760.969.290
	51.707.492.267	45.140.148.411

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại 31/12/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.670.330.301	-	-	22.670.330.301
Phải thu khách hàng	18.289.233.337	-	-	18.289.233.337
Phải thu khác	24.822.046.678	-	-	24.822.046.678
Đầu tư dài hạn	-	1.605.562.000	-	1.605.562.000
	65.781.610.316	1.605.562.000	-	67.387.172.316
Tại 01/01/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.824.329.413	-	-	39.824.329.413
Phải thu khách hàng	11.575.880.864	-	-	11.575.880.864
Phải thu khác	12.812.439.754	-	-	12.812.439.754
Đầu tư dài hạn	-	1.605.562.000	-	1.605.562.000
	64.212.650.031	1.605.562.000	-	65.818.212.031

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại 31/12/2012				
Vay và nợ	2.045.105.088	-	-	2.045.105.088
Phải trả người bán	17.802.305.694	-	-	17.802.305.694
Chi phí phải trả	74.562.000	-	-	74.562.000
Phải trả khác	31.785.519.485	-	-	31.785.519.485
	51.707.492.267	-	-	51.707.492.267

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2012				
Phải trả người bán	14.259.651.848	-	-	14.259.651.848
Chi phí phải trả	119.527.273	-	-	119.527.273
Phải trả khác	30.760.969.290	-	-	30.760.969.290
	45.140.148.411	-	-	45.140.148.411

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

T
M
T
C
T
M

26 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Hoạt động Logistic	Hoạt động Forwarding	Dịch vụ đại lý hàng tau	Hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	83.832.108.165	84.235.267.772	5.736.242.868	25.681.183.517	199.484.802.322
Chi phí bộ phận trực tiếp	72.478.006.520	72.826.562.763	4.959.334.282	22.202.960.502	172.466.864.067
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	163.623.649
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	11.354.101.645	11.408.705.009	776.908.586	3.478.223.015	26.854.314.606
Tài sản bộ phận trực tiếp	4.303.656.592	34.582.242.611	258.735.103	2.712.125.843	41.856.760.149
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	167.374.731.200
Tổng tài sản	4.303.656.592	34.582.242.611	258.735.103	2.712.125.843	209.231.491.349
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	103.248.712	44.578.803.899	2.225.406.896	-	46.907.459.507
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	19.216.141.138
Tổng nợ phải trả	103.248.712	44.578.803.899	2.225.406.896	-	66.123.600.645

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam.

27 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2012</u> VND	<u>Năm 2011</u> VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ			
- Công ty TNHH SITC Việt Nam	Công ty con	1.686.363.540	900.892.274
Mua dịch vụ			
- Công ty TNHH SITC Việt Nam	Công ty con	70.254.512	55.326.144
Cổ tức được nhận			
- Công ty TNHH SITC Việt Nam	Công ty con	1.152.960.312	1.006.073.438
- Công ty Liên doanh Đại lý Vận tải Cosfi	Công ty con	-	1.000.660.840
- Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen	Công ty liên kết	4.781.914.900	6.218.809.050
- Công ty TNHH KCTC Việt Nam	Công ty liên kết	-	311.066.852

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2012</u> VND	<u>01/01/2012</u> VND
Phải thu tiền hàng			
- Công ty TNHH SITC Việt Nam	Công ty con	196.000.000	123.718.319
Phải trả tiền hàng			
- Công ty TNHH SITC Việt Nam	Công ty con	99.828.613	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2012</u> VND	<u>Năm 2011</u> VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị	2.328.568.000	2.107.985.000

28 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

	<u>Mã số</u>	<u>Phân loại và trình bày lại</u> VND	<u>Đã trình bày trên báo cáo năm trước</u> VND
Bảng cân đối kế toán			
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	82.899.810.000	82.899.818.054
Thặng dư vốn cổ phần	412	33.636.120.654	33.636.112.600



Nguyễn Cao Cường
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán trưởng